

Bản án số: 515/2022/DS- ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt.

2. Ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến Hoà** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLST-DS ngày 15/4/2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 763/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 872/2022/QĐST- DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ: đường C, Phường a, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh T - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1085/UQ-QLN.21 ngày 08/11/2021); địa chỉ liên lạc: đường C, Phường a, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Phan Kỷ N , sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố 4, đường TCH13, phường T, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2021 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A (sau đây gọi là Ngân hàng) cấp tín dụng cho ông Bùi Phan Kỷ N theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: PTH.CN.690.270818 ngày 27/08/2018, số tài khoản vay: 268270619, chi tiết như sau:

Số tiền vay : 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)

Thời hạn vay: 60 tháng (28/08/2018 đến ngày 27/08/2023)

Mục đích vay : Tiêu dùng

Lãi suất cho vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn : 10,50%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) _ 21%/năm (theo dư nợ thực tế); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Bùi Phan Kỳ N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, ngày 28/11/2019, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Ngày 03/06/2021, Ngân hàng A lập Thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn.

Tính đến ngày 29/09/2022, ông Bùi Phan Kỳ N còn nợ Ngân hàng A:

Vốn gốc : 74.400.000 đồng

Lãi quá hạn : 91.218.045 đồng

Lãi trong hạn : 0 đồng (đã trả hết)

Tổng cộng : 165.618.045 đồng

(Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười tám ngàn không trăm bốn mươi lăm đồng)

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Bùi Phan Kỳ N trả toàn bộ số nợ còn thiếu (gồm vốn gốc, lãi quá hạn,... tính đến ngày 29/09/2022 là: 165.618.045 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười tám ngàn không trăm bốn mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp của Ngân hàng với ông Bùi Phan Kỳ N kể từ ngày 30/09/2022 đến ngày ông Bùi Phan Kỳ N trả hết nợ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng A do ông Phạm Minh Thông làm đại diện có nộp Bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Phan Kỳ N phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 29/9/2022 là 165.618.045 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 74.400.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 91.218.045 đồng. Ông N còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: PTH.CN.690.270818 ngày 27/08/2018 được ký giữa ông N và Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ cho cá nhân ông N vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Phan Kỳ N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 09 giờ 00 ngày 08/9/2022 và 09 giờ 00 phút ngày 29/9/2022, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về thời gian, địa điểm xét xử nêu trên nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Bùi Phan Kỷ N trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì “Ông Bùi Phan Kỷ N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 4, đường TCH13, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đương sự Nguyên không thực tế sinh sống tại địa chỉ trên. Đương sự Nguyên đã chuyển đi nơi khác sinh sống...”.

Nguyên đơn Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Bùi Phan Kỷ N theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản là số: 56/7/11, khu phố 4, đường TCH13, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay ông N không có mặt tại địa phương mà không thông báo cho nguyên đơn Ngân hàng biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn Ngân hàng A do ông Phạm Minh Thông làm đại diện có mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Bùi Phan Kỳ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông Bùi Phan Kỳ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông N đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Phan Kỳ N có nghĩa vụ trả ngay số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 165.618.045 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 74.400.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 91.218.045 đồng.

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: PTH.CN.690.270818 ngày 27/08/2018 có chữ ký và ghi tên Bùi Phan Kỳ N có cơ sở để xác định ông N đã vay của Ngân hàng số tiền: 120.000.000; thời hạn vay 60 tháng (28/08/2018 đến ngày 27/08/2023); mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất cho vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 10,50%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) - 21%/năm (theo dư nợ thực tế); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm; trả gốc và lãi vào ngày 28 dương lịch hàng tháng, trong đó trả mỗi tháng là 3.050.000 đồng, tháng cuối trả 3.050.000 đồng. Ngân hàng và ông N ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Phan Kỳ N thanh toán được cho Ngân hàng 27 kỳ, lần cuối cùng thanh toán là ngày 14/3/2022, cụ thể: số tiền nợ gốc là 46.600.000 đồng, tiền nợ lãi: 14.754.087 đồng, tiền phạt chậm trả: 425.863 đồng. Từ kỳ tháng thứ 10/2018 thì ông N ngưng không thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả toàn bộ số nợ còn lại và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 165.618.045 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 74.400.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 91.218.045 đồng. Ông Bùi Phan Kỳ N còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/9/2022 cho đến khi ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số: PTH.CN.690.270818 ngày 27/08/2018 được ký giữa ông N và Ngân hàng.

Ngân hàng A là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Bùi Phan Kỳ N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Bùi Phan Kỳ N phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc yêu cầu ông Bùi Phan Kỳ N trả nợ.

2. Buộc ông Bùi Phan Kỳ N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 165.618.045 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 74.400.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 91.218.045 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Phan Kỳ N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Phan Kỳ N phải chịu án phí là 8.280.902 đồng (Tám triệu hai trăm tám mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.187.167 đồng (Ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0023179 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hoài